

QUY TRÌNH KỸ THUẬT
Trồng rừng thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon)
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(kèm theo Quyết định số 441/QĐ-SNN ngày 16 tháng 9 năm 2021
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Nội dung và mục tiêu

Quy trình kỹ thuật trồng rừng thông ba lá được xây dựng trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm trong thực tiễn sản xuất, phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh Lâm Đồng, đồng thời bổ sung các quy định mới của Luật Lâm nghiệp, các tiến bộ về biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong việc trồng rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

Quy trình kỹ thuật này quy định những nguyên tắc chung về các biện pháp kỹ thuật từ khâu chọn hiện trường, lấy giống, tạo cây con, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ cho đến hết giai đoạn chăm sóc.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này được áp dụng cho những khu vực có điều kiện khí hậu, độ cao, đất đai... thích hợp với việc sinh trưởng, phát triển của các loài thông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho các chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng ... có liên quan đến các nội dung quy định tại quy trình này.

Chương II

CHỌN HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG

Điều 4. Chọn hiện trường trồng rừng

Việc chọn hiện trường trồng rừng thông ba lá phải bảo đảm đúng đối tượng trồng rừng quy định tại mục 3, Chương II Thông tư số 29/2018/TT-

BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh.

Cụ thể như sau:

1. Đối tượng trồng mới rừng đặc dụng

Diện tích đất chưa có rừng thuộc vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt), khu bảo vệ cảnh quan:

Đất trống; đất có thực bì là cỏ thưa, lau lách;

Đất có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5m với số lượng dưới 100 cây/ha đối với đất đồi núi, dưới 300 cây/ha đối với bãi bồi cửa sông hoặc dưới 1000 cây/ha đối với đất ngập nước, đất phèn không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng.

2. Đối tượng trồng mới rừng phòng hộ

a) Diện tích đất chưa có rừng thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

b) Đất trống; đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách;

c) Đất có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 300 cây/ha, không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng;

3. Đối tượng trồng mới rừng sản xuất

a) Diện tích đất chưa có rừng là đất trống hoặc đất có thực bì là cỏ tranh, lau lách;

b) Diện tích đất chưa có rừng, thực bì là cây bụi, cây gỗ rải rác và cây gỗ tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 500 cây/ha, không có khả năng phục hồi thành rừng có giá trị kinh tế;

c) Diện tích tre nứa có tỷ lệ che phủ dưới 20%, không có khả năng phục hồi thành rừng có giá trị kinh tế; diện tích lồ ô, le không đủ tiêu chí thành rừng ở tất cả các mật độ và tỷ lệ che phủ.

4. Đối tượng trồng lại rừng

a) Diện tích đất rừng trồng sau khai thác trắng;

b) Diện tích rừng bị thiệt hại do thiên tai và các nguyên nhân khác không có khả năng phục hồi tự nhiên thành rừng;

c) Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt) sau khai thác các loài cây trồng xen, trồng cây mọc nhanh cải tạo đất.

Chương III

ĐIỀU KIỆN GÂY TRỒNG

Điều 5. Điều kiện gây trồng

1. Khí hậu: Thông ba lá trồng thích hợp ở những nơi có nhiệt độ trung bình năm 18-22⁰C, nhiệt độ tối cao 20-32⁰C, tổng lượng mưa 1800-2500 mm, số tháng hạn 2-3 tháng. Có thể trồng mở rộng ở những nơi có nhiệt độ trung bình năm 16-24⁰C, nhiệt độ tối cao 32-36⁰C, tổng lượng mưa 1500-2500 mm, số tháng hạn 1-5 tháng. Hạn chế trồng ở những nơi có nhiệt độ trung bình năm dưới 16 hoặc trên 24⁰C, nhiệt độ tối cao trên 36⁰C, tổng lượng mưa dưới 1500 hoặc trên 2500 mm, số tháng hạn trên 5 tháng.

2. Độ cao: độ cao tuyệt đối 800-1600 m, địa hình là sườn, dốc <25⁰. Có thể trồng mở rộng ở độ cao tuyệt đối 600-2000 m, địa hình là đỉnh, dốc 25-35⁰. Hạn chế trồng ở độ cao tuyệt đối dưới 600 m hoặc trên 2000 m, địa hình đất thấp, đầm lầy, dốc >35⁰.

3. Đất đai: Thích hợp với đất Feralit vàng đỏ, nâu đỏ, đỏ vàng, đất mùn trên núi, thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, tầng dày >50 cm, pH_{KCl}=4-4,5. Có thực bì là rừng nghèo kiệt, rừng thưa có té guột. Có thể trồng mở rộng ở đất Feralit vàng đỏ, nâu đỏ, nâu vàng, đỏ vàng phát triển trên các loại đá cát, phiến thạch micasit, phù sa cổ, thành phần cơ giới nhẹ, sét vật lý 15-30%, tầng dày 30-50 cm, pH_{KCl}=3,5-5,5. Đất bỏ hóa sau nung rẫy 2-3 năm, thực bì là cây bụi, Lò ô, Sim, Mua, Thầu tấu. Hạn chế trồng ở đất kiềm, thoái hóa, đất gầy, đất lầy thụt, đất phát triển trên đá Bôxít, thành phần cơ giới sét vật lý >60%, tầng dày <30cm, pH_{KCl} thấp hơn 3,5 hoặc lớn hơn 5,5, có thực bì gồm cỏ Mỹ, cỏ lá cứng, cỏ tranh, cỏ lông.

Chương IV

GIỐNG VÀ TẠO CÂY CON

Điều 6. Vật liệu giống, nguồn giống.

Đối với lô hạt giống; cây giống trong bình mô; lô cây giống sử dụng để trồng rừng phải bảo đảm theo quy định tại Điều 14 Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tiêu chuẩn quốc gia về giống cây lâm nghiệp (TCVN).

Cây mẹ lấy giống được tuyển chọn từ rừng giống, rừng giống chuyển hóa hoặc vườn giống trong thời hạn được công nhận. Cây mẹ lấy giống có tuổi từ 20 tuổi trở lên đối với cây giống từ hạt, 7 tuổi trở lên đối với cây giống ghép. Phải sử dụng giống có nguồn gốc, hồ sơ lý lịch rõ ràng, có phiếu kiểm nghiệm chất lượng giống.

Điều 7. Tạo cây bằng hạt (Nhân giống hữu tính)

1. Thu hái hạt: Thời gian thu hái quả từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau khi vỏ quả chuyển từ màu xanh sang vàng mơ hay cánh gián. Dùng cù lèo treo lên cây móc gặt quả chín, tuyệt đối không được bẻ và chặt cành.

Quả thu về được ủ đống 2-3 ngày cho quả chín đều. Đống ủ không cao quá 50 cm, phải thông gió và được đảo hàng ngày. Quả chín được phơi trên nong dưới nắng nhẹ 3-5 nắng để tách hạt Thu hạt hàng ngày, hong khô hạt nơi râm mát 2-3 ngày và vò sàng sảy hết tạp vật. Hạt phải đảm bảo các thông số theo tiêu chuẩn ngành 04-TCN-41-2001 và tỷ lệ 14-17 g/1000 hạt hoặc 60.000-70.000 hạt/kg.

2. Bảo quản hạt: Phải cất trữ hạt trong chum, vại hoặc thùng gỗ có chất hút ẩm và để nơi khô ráo thoáng mát. Độ ẩm của hạt khi đưa vào bảo quản từ 7-8%. Thời gian bảo quản tối đa là 2 năm. Nếu có điều kiện thì nên bảo quản lạnh ở nhiệt độ 5⁰C.

Điều 8. Gieo ươm và tạo cây con

1. Gieo ươm

Chọn và lập vườn ươm đảm bảo yêu cầu ở nơi có thực bì tế guột hoặc cây bụi có độ che phủ trên 50%; đất thịt có tỷ lệ sét thích hợp 25-35% và pH_{KCl} = 4-4,5; cao ráo, thông thoáng, thoát nước và không có mực nước ngầm cao sát mặt đất; gần hiện trường trồng rừng, gần nguồn nước, có hàng rào bảo vệ.

Phát thực bì, gom đốt, cuốc lật sâu 30 cm và nhặt sạch gốc cây, rễ cỏ. Nơi có độ dốc trên 5^o phải tạo bậc thang. Phun Benlat 0,1% với liều 0,3 lít/m² để phòng trừ bệnh lở cổ rễ và Boocđô 0,5% với liều lượng 1 lít phun trên 5-6 m² để phòng trừ bệnh rơm lá thông. Xung quanh vườn đào rãnh thoát nước 50x50 cm để ngăn nước chảy tràn và xói lở. Gieo hạt vào tháng 12 đến tháng 2 năm sau và đảm bảo gieo trước khi trồng 6-8 tháng.

Vỏ bầu bằng túi Polyetylen không đáy hoặc có đáy đục lỗ, kích thước 7x14 cm hoặc 8x12 cm.

Nơi có điều kiện thì lấy đất ở độ sâu 0-40 cm tại rừng thông trên 10 tuổi để làm ruột bầu. Nơi xa rừng thông thì lấy 90% đất nơi có thực bì tế guột hoặc cây bụi có độ che phủ trên 50% và 8% đất rừng thông ở độ sâu 0-20 cm. Đất được sàng kỹ qua lỗ sàng 1 cm, loại bỏ hết đá lẫn, rễ cây, tạp chất và trộn đều với 2% supe lân (có 14-15% P₂O₅ tổng số), không dùng phân lân nung chảy có độ kiềm cao.

2. Tạo cây con

a) Xử lý hạt: Ngâm hạt vào dung dịch thuốc tím 0,1% (1 gam /lít nước) trong 15 phút, vớt ra để ráo nước. Ngâm hạt vào nước ấm 2 sôi 3 lạnh (40-50⁰C) trong 24 giờ, vớt bỏ các hạt nổi và rửa chua. hong hạt cho ráo nước bằng cách rải mỏng hạt trên nia và phơi dưới nắng nhẹ. Hạt sau khi hong ráo nước

được cho vào túi vải (3kg hạt/túi) để nơi thoáng mát. Hàng ngày rửa chua 1 lần bằng nước ấm 30°C, hong hạt khô lại ử tiếp. Ở những nơi nhiệt độ thấp, có thể dùng đèn điện để ử hạt. Hạt sẽ nứt nanh (nhú mầm) sau 5-7 ngày, đem gieo vào bầu hoặc gieo trên luống.

b) Gieo hạt vào bầu: Tưới nước cho bầu đủ ẩm trước khi gieo hạt ít nhất 1 buổi, bổ sung đất vào các bầu bị vơi. Chọc 1 lỗ giữa mặt bầu sâu 0,6-0,8 cm, cho 1-2 hạt đã nứt nanh xuống lỗ và lấp kín hạt. Tưới nước bằng vòi phun xương hoặc phủ lưới thưa trên mặt luống rồi dùng ô doa tưới nước. Dùng rơm rạ hoặc lá thông đã khử trùng bằng thuốc tím 0,1% che phủ mặt bầu, dày 1-2 cm sau lúc gieo và dỡ bỏ khi hạt bắt đầu nhú khỏi mặt đất.

c) Gieo hạt trên luống: Luống gieo rộng 1 m, dài 5-10 m, cao 10-15 cm, rãnh luống rộng 50-60 cm. Nền luống là lớp đất thịt tơi xốp đã qua sàng lỗ 1 cm và trên mặt luống phủ một lớp cát nhỏ dày 5-8 cm. Khi hạt nứt nanh trên 50% có thể gieo vãi đều hạt trên mặt luống gieo với lượng 1kg/3 m². Cách tưới và phủ đất trên hạt giống như đối với hạt gieo vào bầu. Trong vòng 5-7 ngày khi cây mầm đạt dạng que diêm thì đem cây vào bầu.

d) Cây cây mầm: Tưới nước cho bầu đủ ẩm trước khi cấy ít nhất 1 buổi. Dùng que tre kích thước 5mm vót nhọn chọc giữa bầu một lỗ nhỏ sâu hơn rễ cây mầm. Đặt cây mầm sao cho cổ rễ dưới mặt bầu khoảng 3mm, dùng que tre ép chặt đất vào rễ cây mầm. Sau khi cấy phải tưới đủ ẩm và giữ ẩm thường xuyên. Dự trữ 10% hạt mầm hoặc cây mầm để cấy dặm. Ở nơi có khí hậu nóng có thể làm giàn che cao 1,8-2 m có độ tàn che 0,5-0,7 trong 1 tháng đầu khi cấy hạt, sau 15-20 ngày kiểm kê cây mầm và cấy dặm bằng cây mầm dự trữ.

3. Chăm sóc cây con:

Tưới nước sạch vào sáng sớm 6-7 giờ hoặc chiều mát 17-18 giờ. Hai tháng đầu tưới 2 lần/ngày, tháng thứ 3 và 4 tưới 1 lần /ngày, từ tháng thứ 5 đến khi xuất vườn tưới 1 lần/2 ngày. Không tưới quá nhiều gây úng. Làm cỏ phá văng 15-20 ngày 1 lần trong 2 tháng đầu, các tháng sau trung bình 1 lần / tháng. Sau khi cấy cây được 30 ngày thấy cây yếu cần bón phân Supe lân 0,5% luân phiên với phân DAP 0,2% hoặc NPK (5:10:3) nồng độ 0,5% với liều lượng 2,5 lít/m². Mỗi tuần tưới phân 1 lần cho đến khi thấy cây phát triển bình thường. Ngay sau mỗi lần tưới phân phải rửa lá kỹ bằng nước lã.

a) Phòng bệnh: Phải phun thuốc Basurin để phòng trừ kiến, để phá hoại; phun Benlat 0,2-0,5% với liều 0,3 lít/m², phun 2 tuần/lần cho tháng đầu tiên để phòng bệnh lở cổ rễ. Phun Boocđô 0,5-1% với liều lượng 1 lít/4-6 m², phun 2 tuần/lần để phòng trừ bệnh rơm lá.

b) Trị sâu bệnh: Nếu phát hiện có chuột, chim phá hoại cần đặt bẫy xua đuổi. Khi phát hiện bệnh lở cổ rễ phải ngừng tưới nước và phun Benlat 3 ngày / lần. Nếu thông bị rơm lá phải ngừng tưới nước và dùng Boocđô nồng độ 1%, liều lượng 1 lít/4-6 m², phun 1 lần/tuần cho đến khi hết bệnh. Nếu phát hiện thông bị bệnh vàng còi không phát triển tốt cần xăm bầu, phá văng tạo điều

kiện thông thoáng cho bầu và thấm nước tốt, bổ sung mùn thông bằng cách rắc đều đất mùn lên mặt bầu và tưới nước giữ ẩm.

Khi cây 3-5 tháng tuổi, cao 15 cm phải phân loại cây theo chiều cao và tình hình sinh trưởng để có biện pháp chăm sóc kỹ hơn cho những cây kém phát triển. Trước khi trồng 15-20 ngày cần đảo bầu để hãm cây và huấn luyện cây. Trước khi đảo bầu cần tưới đẫm nước. Nên đảo bầu vào ngày trời mát và chỉ được tưới nước sau khi đảo bầu 1 ngày. Cây có chiều cao trên 25 cm cần đảo bầu nhiều lần và hạn chế tưới nước để hãm cây.

Điều 9. Tiêu chuẩn cây giống đem trồng

Tiêu chuẩn cây giống đem trồng phải bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng cây giống theo quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính và Tiêu chuẩn quốc gia về giống cây lâm nghiệp đối với Thông ba lá (TCVN 11872-3:2020) cụ thể như sau:

- Nguồn gốc giống: Thu từ nguồn giống được công nhận;
- Tuổi cây: 6 đến 8 tháng kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu;
- Đường kính cổ rễ: Tối thiểu 0,6 cm;
- Chiều cao cây: Tối thiểu 20 cm tính từ mặt bầu;
- Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 8 cm, chiều cao tối thiểu là 15 cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5 cm đến 1 cm, bầu không bị vỡ, biến dạng;
- Tình hình sâu, bệnh hại: Không phát hiện có sâu, bệnh hại trong lô cây giống;
- Hình thái cây: Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh.

Chương V

TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

Điều 10. Biện pháp xử lý thực bì

Quy định chung là phát dọn thực bì toàn diện, theo chặt toàn bộ cây bụi, dây leo, cành nhánh, băm thành đoạn ngắn vào tháng 1-4. Đốt và dọn thực bì vào trước mùa mưa, trước khi trồng rừng 1-2 tháng. Không xử lý thực bì và trồng rừng ven khe trong phạm vi ít nhất là 10m kể từ lòng khe suối.

Tùy theo đối tượng rừng mà lựa chọn biện pháp xử lý thực bì cho phù hợp theo quy định tại Thông tư số 29/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh cụ thể như sau:

1. Trồng mới rừng đặc dụng:

Xử lý thực bì: Phát dọn thực bì theo băng hoặc theo đám, thực bì được gom lại từng dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt. Khi xử lý thực bì phải chừa lại cây gỗ có sẵn và cây tái sinh mục đích;

2. Trồng mới rừng phòng hộ:

Xử lý thực bì: Phát dọn thực bì theo băng hoặc theo đám. Thực bì được gom thành dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt; được phát trắng thực bì ở nơi có độ dốc dưới 15° , nhưng phải chừa lại đai cây xanh ở đỉnh đông, ven khe suối, bờ sông, hồ. Khi xử lý thực bì phải chừa lại toàn bộ cây gỗ có sẵn và cây tái sinh mục đích

3. Trồng mới rừng sản xuất:

Xử lý thực bì: phát dọn thực bì toàn diện, theo băng hoặc theo đám phù hợp với điều kiện lập địa và đặc tính sinh thái của loài cây trồng. Thực bì xử lý xong được gom theo băng, hạn chế đốt thực bì. Trường hợp đốt thực bì phải đốt theo băng, theo đám và đốt có kiểm soát;

Điều 11. Thời vụ trồng

Trồng vào đầu mùa mưa, kéo dài từ tháng 6 đến trước 30 tháng 8 hàng năm.

Điều 12. Kỹ thuật trồng

1. Mật độ trồng:

Tùy vào mục đích kinh doanh mà lựa chọn mật độ trồng cho phù hợp.

Để trồng rừng phòng hộ và kinh doanh gỗ lớn tùy theo điều kiện lập địa nên trồng hỗn loài với keo vùng cao hoặc các loài cây bản địa khác, mật độ 1660 cây/ha hoặc mật độ 2200 cây/ha, trong đó Thông ba lá chiếm 2/3 số lượng. Để cung cấp gỗ giấy thì trồng thuần loài với mật độ 2500 cây/ha; bố trí cự ly cây cách cây; hàng cách hàng theo đường đồng mức cho phù hợp tùy theo mật độ lựa chọn.

Mật độ trồng phổ biến đang áp dụng hiện nay: 2.200 cây/ha, cự ly 1,5m x 3m hoặc 3.300 cây/ha, cự ly 1m x 3m.

2. Đào hố:

Đào hố kích thước 30x30x30 cm, để riêng lớp đất mặt và lớp đất dưới ở 2 bên miệng hố, xong trước khi trồng 1 tháng. Hất lớp đất mặt vào hố và trộn đều với 50g NPK (5:10:3) hoặc 100g supe lân rồi lấp hố cao hơn mặt đất tự nhiên 2-3 cm, xong trước khi trồng ít nhất 7-15 ngày.

3. Vận chuyển cây đi trồng:

Tưới nước đủ ẩm 1 đêm trước khi bốc, xếp cây, tránh làm vỡ bầu, dập nát, gãy ngọn cây trong quá trình bốc, xếp và vận chuyển cây. Cây chuyển tới

hiện trường trồng rừng phải kịp thời trồng ngay, nếu chưa kịp trồng phải xếp vào nơi râm mát và phải tưới nước đảm bảo độ ẩm trong bầu.

4. Trồng cây:

Trồng cây vào thời điểm nắng nhẹ, râm mát hoặc mưa nhỏ. Dùng cuốc hoặc bay khơi hố rộng hơn bầu và sâu hơn bầu 1-2 cm ở giữa hố. Rạch bỏ vỏ bầu và đặt cây con thẳng đứng vào giữa hố, tránh làm vỡ bầu. Dùng đất tơi ở lớp mặt bên ngoài lấp đầy hố, ép chặt đất xung quanh bầu và vun thêm đất thành mai rùa cao hơn mặt đất bình thường 2-3 cm. Cây đã rải ra hố phải trồng hết trong ngày.

Sau khi trồng 20-30 ngày kiểm tra tỷ lệ sống, nếu đạt dưới 85% phải trồng dặm theo quy định. Nếu đến vụ trồng năm sau tỷ lệ sống chưa đạt 85% thì phải tiếp tục trồng dặm bằng cây con của năm trước.

Điều 13. Chăm sóc rừng trồng

Số năm chăm sóc: 4 năm

Chăm sóc năm thứ nhất: 2 lần

Biện pháp kỹ thuật:

Phát thực bì toàn diện lần 1 và lần 2 (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích);

Xới đất và vun gốc cây (0,8-1,0m);

Làm mới đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Chăm sóc năm thứ hai: 2 lần;

Biện pháp kỹ thuật:

Phát thực bì toàn diện lần 1 và lần 2 (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích);

Xới đất và vun gốc cây (0,8-1,0m);

Trồng dặm 10%

Tu sửa đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Chăm sóc năm thứ ba và năm thứ tư : 1 lần

Phát thực bì toàn diện 1 lần (phát dọn cây bụi, dây leo, cỏ dại xâm lấn, bảo vệ cây tái sinh mục đích) ;

Tu sửa đường ranh cản lửa;

Gom, đốt dọn vật liệu cháy rừng trồng;

Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng;

Bảo vệ rừng trồng.

Trong suốt thời gian chăm sóc phải tổ chức và thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng, phòng trừ sâu, bệnh hại theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 14. Trồng dặm

Sau khi trồng 01 tháng, kiểm tra tỷ lệ cây sống; nếu tỷ lệ cây sống dưới 85% so với mật độ trồng ban đầu thì phải trồng dặm

Điều 15. Phòng trừ sâu bệnh hại và bảo vệ rừng trồng

Thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại theo quy phạm kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng trồng theo các quy định hiện hành.

Điều 16. Phòng cháy và chữa cháy rừng

Tổ chức và thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 17. Nghiệm thu rừng trồng.

Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm tiến hành nghiệm thu khi hoàn thành các hạng mục hoặc kết thúc giai đoạn đầu tư. Thời điểm nghiệm thu phải xác định cụ thể để bảo đảm tính chính xác của kết quả nghiệm thu;

Về thành phần nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình đầu tư lâm sinh;

Về thời điểm nghiệm thu, các chỉ tiêu nghiệm thu, nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu chất lượng thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 18. Bảo vệ rừng trồng

Rừng trồng cần xây dựng các đường băng, đường ranh cản lửa bằng băng trắng hoặc băng xanh để phòng chống cháy rừng; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, chống chặt phá, xâm lấn, phát, đốt rừng làm nương, rẫy, ngăn

chặn trâu, bò dẫm đạp, phá hoại cây trồng và các biện pháp khác bảo đảm đề rừng trồng sinh trưởng phát triển tốt.

Điều 19. Lập hồ sơ quản lý rừng trồng

Sau khi rừng trồng hết giai đoạn chăm sóc, Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý rừng trồng theo quy định;

Thành phần hồ sơ gồm: Hồ sơ và bản đồ thiết kế, dự toán công trình, các văn bản, tài liệu có liên quan được cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, hồ sơ nghiệm thu, kết quả nghiệm thu về loài cây trồng, mật độ, diện tích, chất lượng rừng trồng và đánh giá các diễn biến khác hàng năm như tình hình sinh trưởng, chặt phá, xâm hại, sâu bệnh... đối với diện tích rừng trồng đang quản lý.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện quy trình này trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thông ba lá theo quy định tại quy trình này.

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng để trồng rừng

1. Chủ rừng nhà nước, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, giao khoán rừng thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo các quy định tại quy trình này.

2. Chủ rừng nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo quy định tại quy trình này.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

Các chương trình, dự án có biện pháp kỹ thuật đã được phê duyệt trước ngày quy trình này có hiệu lực và đang thực hiện, tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc giai đoạn đầu tư.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

2. Quy trình này thay thế Quy trình kỹ thuật về gieo ươm, trồng rừng Thông ở tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 1517/QĐ/NN-PTNT

ngày 13 tháng 12 năm 1997 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.